



Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Đầu tư số**

8675445545

ngày 29 tháng 8 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư đã được điều chỉnh một lần vào ngày 29 tháng 6 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư và giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày chấp thuận chủ trương đầu tư, ngày 24 tháng 6 năm 2016.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

2901852878

ngày 9 tháng 6 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 22 tháng 11 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp.

Chủ tịch Công ty

Nguyễn Quốc Trung

Ban Giám đốc

Nguyễn Huỳnh Thái Hoàng

Tổng Giám đốc
(từ ngày 22 tháng 11 năm 2024)

Nguyễn Bích Hà Nguyễn

Tổng Giám đốc
(đến ngày 21 tháng 11 năm 2024)

Trụ sở đăng ký

Xóm Cồn Sơn, Xã Hạ Sơn
Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An
Báo cáo của Chủ tịch và Ban Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty TNHH MML Farm Nghệ An (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 29 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỞI CHỦ TỊCH

Tại ngày lập báo cáo này, Chủ tịch Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Nguyễn Văn Quốc Trung
Chủ tịch

Chứng thực ban sao đúng với bản chính.

Số chứng thực..... quyền số.....SCT/BS

Tỉnh Nghệ An, ngày 28 tháng 2 năm 2025

Ngày 22-04-2026



CÔNG CHỨNG VIỆN

Phùng Minh Châu



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Nhà đầu tư
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH MML Farm Nghệ An ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Chủ tịch Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MML Farm Nghệ An tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00738-25-1



Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2025

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		523.173.729.363	562.404.710.926
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	33.070.217.675	12.108.815.880
Tiền	111		4.070.217.675	12.108.815.880
Các khoản tương đương tiền	112		29.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		166.632.197.323	223.713.936.968
Phải thu của khách hàng	131	5	146.276.375.915	117.378.667.990
Trả trước cho người bán	132	6	1.806.395.975	3.600.800.289
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7(a)	11.000.000.000	95.300.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	23.300.837.238	17.563.659.689
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(15.751.411.805)	(10.129.191.000)
Hàng tồn kho	140	10	320.477.833.763	324.458.350.920
Hàng tồn kho	141		320.477.833.763	324.458.350.920
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.993.480.602	2.123.607.158
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.993.480.602	2.123.607.158
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		1.584.495.706.748	1.641.449.707.054
Các khoản phải thu dài hạn	210		41.743.124.973	2.400.224.966
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7(b)	41.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	743.124.973	2.400.224.966
Tài sản cố định	220		1.426.438.903.685	1.513.983.937.534
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.426.438.903.685	1.513.983.937.534
Nguyên giá	222		1.912.845.779.715	1.904.351.034.942
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(486.406.876.030)	(390.367.097.408)
Tài sản dở dang dài hạn	240		13.429.590.129	14.036.032.101
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	13.429.590.129	14.036.032.101
Tài sản dài hạn khác	260		102.884.087.961	111.029.512.453
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	102.884.087.961	111.029.512.453
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.107.669.436.111	2.203.854.417.980

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		382.666.108.166	593.747.961.449
Nợ ngắn hạn	310		382.194.936.636	593.747.961.449
Phải trả người bán	311	14	129.311.467.401	129.866.097.007
Người mua trả tiền trước	312		1.384.983.861	722.043.183
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	284.539.615	296.220.296
Chi phí phải trả	315	16	66.823.481.084	62.871.206.960
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	1.209.648.683	1.881.636.584
Vay ngắn hạn	320	18	183.180.815.992	398.110.757.419
Nợ dài hạn	330		471.171.530	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		471.171.530	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.725.003.327.945	1.610.106.456.531
Vốn chủ sở hữu	410	19	1.725.003.327.945	1.610.106.456.531
Vốn góp	411	20	864.000.000.000	864.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		861.003.327.945	746.106.456.531
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		396.106.456.531	626.292.041.548
- Lợi nhuận sau thuế trong năm	421b		464.896.871.414	119.814.414.983
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.107.669.436.111	2.203.854.417.980

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Phạm Thị Kim Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quốc Trung
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	22	1.669.164.860.600	1.489.251.045.091
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	45.978.255.835	45.802.136.633
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	22	1.623.186.604.765	1.443.448.908.458
Giá vốn hàng bán	11	23	1.104.630.365.700	1.259.996.490.855
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		518.556.239.065	183.452.417.603
Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.704.618.291	908.812.243
Chi phí tài chính	22		15.180.861.702	27.525.122.836
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.929.322.988	27.525.122.836
Chi phí bán hàng	25		8.133.942.397	7.215.306.827
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	34.944.389.779	28.922.161.719
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		466.001.663.478	120.698.638.464
Thu nhập khác	31		676.408.720	1.021.892.397
Chi phí khác	32		1.781.200.784	1.906.115.878
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.104.792.064)	(884.223.481)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		464.896.871.414	119.814.414.983
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		464.896.871.414	119.814.414.983

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Phạm Thị Kim Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quốc Trung
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	464.896.871.414	119.814.414.983
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	97.178.102.157	96.565.141.709
Các khoản dự phòng	03	6.222.124.167	(51.373.953)
Lỗi từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05	8.480.656.327	12.743.644.294
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(5.208.900.415)	(603.780.129)
Chi phí lãi vay	06	14.929.322.988	27.525.122.836
Lãi từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	586.498.176.638	255.993.169.740
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(28.002.378.730)	(96.985.803.974)
Biến động hàng tồn kho	10	3.980.517.157	12.407.814.749
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	4.361.209.300	6.466.995.616
Biến động chi phí trả trước	12	42.019.135.565	43.065.884.279
		608.856.659.930	220.948.060.410
Tiền lãi vay đã trả	14	(15.914.244.006)	(28.288.940.101)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	592.942.415.924	192.659.120.309
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(50.658.474.309)	(64.211.771.441)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	165.738.183	735.140.296
Tiền chi cho vay	23	(101.000.000.000)	(145.300.000.000)
Tiền thu hồi khoản cho vay	24	144.300.000.000	50.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27	141.663.424	362.366.429
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.051.072.702)	(158.414.264.716)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	2024 VND	2023 VND
----------	-------------	-------------

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	893.062.051.120	1.066.207.827.889
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.107.991.992.547)	(1.117.352.263.881)
Tiền phân phối lợi nhuận đã trả	36	(350.000.000.000)	(28.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(564.929.941.427)	(79.144.435.992)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	20.961.401.795	(44.899.580.399)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	12.108.815.880	57.008.396.279
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	33.070.217.675	12.108.815.880

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Người lập:

Phạm Thị Kim Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quốc Trung
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là chăn nuôi gia súc.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Nhân sự của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 484 nhân viên (1/1/2024: 474 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất/chăn nuôi chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển và thiết bị truyền dẫn	8 – 25 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ heo giống	4 năm

(f) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho heo giống, xây dựng và triển khai tài sản cố định hữu hình và vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình nuôi heo giống, xây dựng và lắp đặt.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Heo giống

Heo giống với nguyên giá của mỗi con heo giống thấp hơn 30 triệu VND, được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 2 đến 3 năm. Chi phí phân bổ heo giống liên quan trực tiếp đến việc chăn nuôi heo thịt trong chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được vốn hóa vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

(ii) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng là chi phí bồi thường mà Công ty chỉ trả cho dân cư trong khu vực thuộc phạm vi của hợp đồng thuê đất với cơ quan có thẩm quyền. Chi phí giải phóng mặt bằng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 49 năm.

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Chi phí xây dựng đường vào trại heo

Chi phí xây dựng đường vào trại heo được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

(iv) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

(v) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính.

(h) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(j) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(m) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay, và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư nợ gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay (“chi phí đi vay”) và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là tài sản thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán. Các khoản thanh toán theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(o) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(p) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số dư và số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng	4.070.217.675	12.108.815.880
Các khoản tương đương tiền	29.000.000.000	-
	<u>33.070.217.675</u>	<u>12.108.815.880</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

5. Phải thu của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH MEATDeli HN	146.186.375.915	117.378.667.990
Các khách hàng khác	90.000.000	-
	<u>146.276.375.915</u>	<u>117.378.667.990</u>

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu của khách hàng là một bên liên quan**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH MEATDeli HN	146.186.375.915	117.378.667.990

Các khoản phải thu từ một bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

6. Trả trước cho người bán

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trả trước mua tài sản cố định	1.559.702.975	3.445.937.529
Trả trước khác	246.693.000	154.862.760
	1.806.395.975	3.600.800.289

7. Phải thu về cho vay**(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	11.000.000.000	95.300.000.000

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm theo quy định trong hợp đồng cho vay.

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	Năm đáo hạn	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Bên liên quan khác</i>			
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	2026	41.000.000.000	-

Khoản phải thu về cho vay dài hạn không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm theo quy định trong hợp đồng cho vay.

8. Phải thu khác**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Lãi cho vay phải thu từ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn, một bên liên quan	5.442.469.868	438.673.973
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	63.441.096	-
Ký quỹ ngắn hạn	3.757.100.004	2.983.779.133
Tạm ứng cho nhân viên	173.876.000	108.432.440
Phải thu khác	13.863.950.270	14.032.774.143
	23.300.837.238	17.563.659.689

Lãi cho vay phải thu từ một bên liên quan không có bảo đảm và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc cho vay hoặc ngày hoàn trả của các hợp đồng cho vay.

(c) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ký quỹ dài hạn	740.124.973	2.397.224.966
Phải thu khác	3.000.000	3.000.000
	743.124.973	2.400.224.966

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi phản ánh khoản dự phòng cho các khoản ký quỹ ngắn hạn chưa thu được và khoản trả trước cho người bán.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	10.129.191.000	10.156.691.000
Tăng dự phòng trong năm	5.622.220.805	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(27.500.000)
Số dư cuối năm	15.751.411.805	10.129.191.000

10. Hàng tồn kho

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	23.367.204.692	-	23.965.173.486	-
Công cụ và dụng cụ	4.722.505.509	-	4.893.897.969	-
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	292.370.572.601	-	295.587.806.766	-
Thành phẩm	17.550.961	-	11.472.699	-
	320.477.833.763	-	324.458.350.920	-

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển và thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Heo giống VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.687.898.253.458	170.406.407.664	31.885.770.555	4.378.077.071	9.782.526.194	1.904.351.034.942
Tăng trong năm	-	409.242.203	-	-	-	409.242.203
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.171.110.306	-	-	9.922.989.514	11.094.099.820
Thanh lý	-	(2.448.854.125)	-	-	-	(2.448.854.125)
Xóa sổ	-	-	-	-	(559.743.125)	(559.743.125)
Số dư cuối năm	1.687.898.253.458	169.537.906.048	31.885.770.555	4.378.077.071	19.145.772.583	1.912.845.779.715
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	325.256.421.893	48.655.800.787	10.724.673.434	3.653.967.083	2.076.234.211	390.367.097.408
Khấu hao trong năm	74.843.266.757	15.164.669.568	3.069.507.694	623.362.963	3.477.295.175	97.178.102.157
Thanh lý	-	(1.054.367.742)	-	-	-	(1.054.367.742)
Xóa sổ	-	-	-	-	(83.955.793)	(83.955.793)
Số dư cuối năm	400.099.688.650	62.766.102.613	13.794.181.128	4.277.330.046	5.469.573.593	486.406.876.030
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.362.641.831.565	121.750.606.877	21.161.097.121	724.109.988	7.706.291.983	1.513.983.937.534
Số dư cuối năm	1.287.798.564.808	106.771.803.435	18.091.589.427	100.747.025	13.676.198.990	1.426.438.903.685

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 11.708 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 2.609 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Heo giống VND	Xây dựng dở dang khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	9.384.049.085	4.651.983.016	14.036.032.101
Tăng trong năm	49.125.160.766	2.882.202.394	52.007.363.160
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.922.989.514)	(1.171.110.306)	(11.094.099.820)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(34.040.976.517)	(500.000.000)	(34.540.976.517)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(202.608.000)	(202.608.000)
Thanh lý	(5.889.831.769)	-	(5.889.831.769)
Xóa sổ	(788.598.550)	(97.690.476)	(886.289.026)
Số dư cuối năm	7.866.813.501	5.562.776.628	13.429.590.129

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trang trại nuôi heo S1	3.858.012.128	2.331.720.044
Trang trại nuôi heo S2	1.519.964.500	1.519.964.500
Khác	184.800.000	800.298.472
	5.562.776.628	4.651.983.016

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Héo giống VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chi phí xây dựng đường vào trại heo VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	46.245.893.740	53.811.050.896	8.353.220.969	66.681.624	2.552.665.224	111.029.512.453
Tăng trong năm	-	-	-	50.396.720	507.467.332	557.864.052
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	34.040.976.517	-	-	-	500.000.000	34.540.976.517
Phân bổ trong năm	(25.360.964.378)	(1.268.774.913)	(1.857.220.457)	(82.080.621)	(1.456.407.629)	(30.025.447.998)
Thanh lý	(9.969.920.064)	-	-	-	-	(9.969.920.064)
Xóa sổ	(2.381.581.889)	-	-	-	(867.315.110)	(3.248.896.999)
Số dư cuối năm	42.574.403.926	52.542.275.983	6.496.000.512	34.997.723	1.236.409.817	102.884.087.961

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Phải trả người bán****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty TNHH De Heus	103.721.996.240	-
Công ty Cổ phần MNS Feed – Chi nhánh Nghệ An (đã sáp nhập vào Công ty TNHH De Heus trong năm)	-	100.116.184.145
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	4.662.824.265	13.354.200.000
Các nhà cung cấp khác	20.926.646.896	16.395.712.862
	129.311.467.401	129.866.097.007

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	4.662.824.265	13.354.200.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	32.241.240	37.172.000
Công ty Cổ phần Mobicast	9.258.820	4.213.204

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong thời gian từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Hoàn lại VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	29.986.639	(20.291.487)	(1.513.335)	8.181.817
Thuế thu nhập cá nhân	296.220.296	2.238.420.603	(1.850.853.197)	(407.429.904)	276.357.798
Thuế khác	-	63.235.768	(63.235.768)	-	-
	296.220.296	2.331.643.010	(1.934.380.452)	(408.943.239)	284.539.615

16. Chi phí phải trả

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công trình xây dựng cơ bản dở dang	48.219.214.941	48.219.214.941
Thường thành tích	10.795.600.000	7.605.540.000
Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng	242.499.993	1.227.421.011
Chi phí khác	7.566.166.150	5.819.031.008
	66.823.481.084	62.871.206.960

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải trả công ty mẹ	1.053.879.759	1.633.522.339
Phải trả khác	155.768.924	248.114.245
	1.209.648.683	1.881.636.584

Các khoản phải trả cho công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ VND	Biến động trong năm Tăng VND	Hoàn trả VND	31/12/2024 Giá trị ghi sổ VND
Vay ngắn hạn	398.110.757.419	893.062.051.120	(1.107.991.992.547)	183.180.815.992
Số có khả năng trả nợ	398.110.757.419			183.180.815.992

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung	VND	4,8%	178.817.537.515	-
Ngân hàng TNHH CTBC	VND	3,5% - 6,1%	4.363.278.477	223.141.463.289
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)	VND	4,0% - 6,7%	-	174.969.294.130
			183.180.815.992	398.110.757.419

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn trên được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, công ty mẹ cấp cao nhất.

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	864.000.000.000	626.292.041.548	1.490.292.041.548
Lợi nhuận thuần trong năm	-	119.814.414.983	119.814.414.983
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	864.000.000.000	746.106.456.531	1.610.106.456.531
Lợi nhuận thuần trong năm		464.896.871.414	464.896.871.414
Phân phối lợi nhuận (*)		(350.000.000.000)	(350.000.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	864.000.000.000	861.003.327.945	1.725.003.327.945

(*) Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận với số tiền là 350 tỷ VND (2023: không) cho Công ty Cổ phần Masan MEATLife, công ty mẹ.

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty như sau:

	Được duyệt và đã góp 31/12/2024 và 1/1/2024	
	VND	%
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	864.000.000.000	100%

Vốn điều lệ được duyệt của Công ty đã được nhà đầu tư góp đủ.

Không có biến động vốn điều lệ đã góp trong năm.

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	2.042.640.000	2.747.879.128
Trong vòng hai đến năm năm	3.028.800.000	4.624.800.000
Sau năm năm	2.630.200.000	2.985.400.000
	7.701.640.000	10.358.079.128

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	7.774.406.817	6.060.096.510

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu:		
▪ Thành phẩm đã bán	1.573.430.283.000	1.397.378.524.000
▪ Khác	95.734.577.600	91.872.521.091
	1.669.164.860.600	1.489.251.045.091
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu:		
▪ Chiết khấu thương mại	45.647.180.500	45.429.779.495
▪ Giảm giá hàng bán	331.075.335	372.357.138
	45.978.255.835	45.802.136.633
	1.623.186.604.765	1.443.448.908.458

23. Giá vốn hàng bán

	2024 VND	2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán:		
▪ Thành phẩm đã bán	984.844.000.683	1.148.907.615.031
▪ Khác	119.786.365.017	111.088.875.824
	1.104.630.365.700	1.259.996.490.855

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Phí quản lý, công nghệ thông tin và phí khác	17.576.557.695	17.157.487.260
Chi phí nhân viên	7.912.889.664	8.351.633.995
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	5.622.220.805	(27.500.000)
Chi phí thuê hoạt động	203.251.000	278.152.094
Chi phí tiện ích	145.414.684	153.638.217
Chi phí khấu hao và phân bổ	168.797.066	176.563.511
Chi phí khác	3.315.258.865	2.832.186.642
	34.944.389.779	28.922.161.719

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	823.488.788.741	996.628.757.083
Chi phí nhân công và nhân viên	98.506.331.857	87.592.198.064
Chi phí khấu hao	97.178.102.157	96.565.141.709
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.615.462.882	48.788.239.932
Chi phí khác	75.920.012.239	66.559.622.613

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	464.896.871.414	119.814.414.983
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	-	-

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chăn nuôi heo của trang trại tại Xóm Cồn Sơn, Xã Hạ Sơn, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An.

Ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Masan MEATLife		
Phân phối lợi nhuận	350.000.000.000	-
Phí quản lý	13.734.694.631	12.365.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MEATDeli HN		
Bán hàng hóa	438.211.586.000	362.365.034.362
Khoản vay đã nhận	-	23.000.000.000
Khoản vay đã hoàn trả	-	23.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	588.000.000
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn		
Khoản cho vay đã cấp	101.000.000.000	95.300.000.000
Khoản cho vay đã thu hồi	144.300.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	5.003.795.895	438.673.973
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce		
Mua hàng hóa	11.071.848	6.409.091
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02		
Mua hàng hóa	503.753.320	449.536.370
Công ty Cổ phần Mobicast		
Mua dịch vụ	46.780.317	46.185.854
Công ty TNHH Zenith Investment		
Khoản cho vay đã cấp	-	50.000.000.000
Khoản cho vay đã thu hồi	-	50.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	684.932

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày và cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 2023, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Phạm Thị Kim Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quốc Trung
Chủ tịch

